TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2017/*DS - ST*
Ngày: 21/8/*2017*
V/v: "Tranh chấp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Như Y
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Cái Hoàng B
2. Bà Phạm Thị N

Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Ngọc B, thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H *tham gia phiên toà:* Ông Trần Trung K - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2017/TLST – DS, ngày 29 tháng 5 năm 2017 về việc "Tranh chấp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2017/QĐXX-ST ngày 07 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987
Địa chỉ: (Không có số nhà) thuộc ấp Cây D, xã Long Đ, huyện H, tỉnh B
Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1972
Địa chỉ: (Không có số nhà) thuộc ấp 1, xã An T, huyện H, tỉnh B.
Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:
Chị Trần Thị N, sinh năm 1973
Địa chỉ: (Không có số nhà) thuộc ấp 1, xã An T, huyện H, tỉnh B.

(Chị T có mặt, anh T1 và chị N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12/4/2017 và các biên bản ghi lời khai trong quá trình tố tụng chị Nguyễn Thị T trình bày:

Trước đây chị có mở các dây hụi, anh T1 tham gia hụi do chị làm chủ cụ thể sau:

- Dây hụi khui ngày 30/4/2014 (âm lịch) loại hụi 300.000đ, dây hụi có tất cả 65 chưng, anh T1 tham gia 01 chưng và hốt ở kỳ khui đầu tiên, sau khi hốt anh T1 đóng lại hụi chết cho chị được 30 lần, còn lại 35 lần anh T1 không đóng, bằng số tiền 10.500.000đ.

- Hụi khui ngày 30/5/2014 (âm lịch) loại hụi 100.000đ, hụi có tất cả 55 chưng, anh T1 tham gia 05 chưng, đến kỳ khui thứ 5 anh T1 hốt 1 chưng, kỳ khui thứ 7 anh

T1 hốt 1 chưng, kỳ khui thứ 13 anh T1 hốt 1 chưng, kỳ khui thứ 28 anh T1 hốt 1 chưng, kỳ khui thứ 29 anh T1 hốt 1 chưng, còn lại 02 chưng anh T1 hốt và đóng lại hụi chết cho chị số tiền 9.200.000đ, còn lại 26 kỳ hụi chết thì anh T1 không đóng bằng số tiền 7.800.000đ.

- Trong cùng ngày 30/5/2014 (âm lịch) chị có khui dây hụi 100.000đ, dây hụi có tất cả 54 chưng, anh T1 tham gia 03 chưng, đến kỳ khui thứ 6 anh T1 hốt 1 chưng, kỳ khui thứ 7 anh T1 hốt 01 chưng, kỳ khui thứ 21 anh T1 hốt 1 chưng. Sau đó anh T1 có đóng lại hụi chết cho chị nhưng còn thiếu lại chị số tiền 7.500.000đ.

- Ngày 30/6/2014 (âm lịch) loại hụi 300.000đ, hụi có tất cả 66 chưng, anh T1 tham gia 02 chưng và hốt ở kỳ khui đầu tiên 01 chưng, kỳ thứ 4 hốt 01 chưng. Sau đó anh T1 có đóng lại hụi chết nhưng không đầy đủ, còn nợ lại chị số tiền 23.400.000đ.

Tổng số tiền anh T1 nợ chị số tiền 40.000.000đ và yêu cầu anh T1 có trách nhiệm giao trả cho chị số tiền trên

Tại biên bản ghi lời khai ngày 07/6/2017 anh T1 thống nhất với các dây hụi và số chưng hụi đã tham gia như chị T trình bày và anh đồng ý giao trả số tiền 40.000.000đ theo yêu cầu của chị T.

Tại biên bản gh lời khai ngày 07/6/2017 chị Trần Thị N trình bày thống nhất với lời trình bày của anh T1 và đồng ý giao trả số tiền 40.000.000đ cho chị T, chị không có ý kiến gì bổ sung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh B phát biểu quan điểm cho rằng: quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định Luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật; Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T đối với anh Nguyễn Văn T1 và chị Trần Thị N

Buộc anh Nguyễn Văn T1 và chị Trần Thị N có trách nhiệm giao trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Anh Nguyễn Văn T1 và chị Trần Thị N phải chịu 2.000.000đ. Chị T không phải chịu, số tiền 1.000.000đ chị T đã dự nộp theo biên lai thu số 0006454, ngày 29/5/2017 được nhận lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H về tuân theo pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp hụi" được quy định tại Điều 479 Bộ luật dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã An T, huyện H, tỉnh B. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh B.

Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án đã triệu tập anh Nguyễn Văn T1 và chị Trần Thị N đến tham dự phiên tòa hợp lệ lần thứ 2, nhưng anh T1 và chị N vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung:

Năm 2014 giữa chị T và anh T1 có giao dịch hụi với nhau. Sau khi hốt hụi anh T1 đóng lại hụi chết cho chị T nhưng không đầy đủ nên phát sinh tranh chấp. Chị T yêu cầu anh T1 giao trả tổng số tiền hụi còn thiếu là 40.000.000đ. Anh T1 thừa nhận có nợ chị T số tiền 40.000.000đ và đồng ý giao trả số tiền trên cho chị T. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự ghi nhận đây là sự thật, nên cần buộc anh T1 có nghĩa vụ giao trả cho chị T số tiền 40.000.000đ là phù hợp.

Chị Trần Thị N và anh Nguyễn Văn T1 là vợ chồng. Việc giao dịch hụi giữa chị T và anh T1 thì chị N có biết và cũng đồng ý. Nay chị N cũng thừa nhận nợ và đồng ý giao trả số tiền trên cho chị T. Nên cần buộc chị N cùng có trách nhiệm với anh T1 giao trả số tiền trên cho chị T là phù hợp pháp luật.

Về án phí dân sự có giá ngạch: Anh Nguyễn Văn T1 và chị Trần Thị N cùng phải chịu đối với số tiền phải trả cho chị T cụ thể: 40.000.000đ x 5% = 2.000.000đ. Chị T không phải chịu, số tiền 1.000.000đ chị T đã dự nộp theo biên lai thu số 0006454, ngày 29/5/2017 được nhận lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 479 Bộ luật dân sự 2005;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T đối với anh Nguyễn Văn T1 và chị Trần Thị N

Buộc anh Nguyễn Văn T1 và chị Trần Thị N có trách nhiệm giao trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Anh Nguyễn Văn T1 và chị Trần Thị N phải chịu 2.000.000đ. Chị T không phải chịu, số tiền 1.000.000đ chị T đã dự nộp

theo biên lai thu số 0006454, ngày 29/5/2017 được nhận lại. Các đương sự nhận và nộp tiền tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án niêm yết công khai nơi anh, chị cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện H;
- Chi Cục THA.DS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu.

Lê Thị Như Y

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LÊ THỊ NHƯ Ý